

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán, bổ sung kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ số: 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh số 19/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 ban hành Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch 268/KH-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 312/STC-HCSN ngày 20/01/2021 về việc phê duyệt dự toán, bổ sung kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà

thầu thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 01/TTr-CCTS ngày 06/01/2021 của Chi cục Thủy sản Thanh Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán, bổ sung kinh phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh cho Chi cục Thủy sản Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Dự toán và bổ sung kinh phí

a) Tổng kinh phí thực hiện: 1.112.000.000 đồng (*một tỷ một trăm mười hai triệu đồng*).

b) Nguồn kinh phí: từ nguồn sự nghiệp môi trường (vốn đối ứng thực hiện các dự án sự nghiệp xử lý ô nhiễm môi trường và các nhiệm vụ môi trường khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Toàn bộ phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chia làm 01 gói thầu.

- Nội dung gói thầu: *(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính thông báo bổ sung dự toán năm 2021 cho Chi cục Thủy sản Thanh Hóa để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. Chi cục Thủy sản Thanh Hóa căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí và triển khai thực hiện trình tự các bước công việc theo đúng quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu và pháp luật có liên quan đến kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình liên quan đến các gói thầu được phê duyệt.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành mình; kiểm tra, hướng dẫn Chi cục Thủy sản Thanh Hóa thực hiện các công việc đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NN. (48.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

Dự toán kinh phí quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán kinh phí				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
	Tổng số				1.111.630.799	
	Làm tròn				1.112.000.000	
I	Hội nghị triển khai về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2021 - Địa điểm: Tại TP. Thanh Hóa - Thành phần: Lãnh đạo và cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã quản lý về NTTS; đại diện các HTX, Tổ cộng đồng NTTS, các tổ chức, doanh nghiệp, hộ nuôi trồng thủy sản. - Số lượng: 150 người	Hội nghị	1		52.000.000	
	Chi phí tính cho 01 Hội nghị				52.000.000	
-	Chi bù tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách.	Người	120	150.000	18.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền giải khát giữa giờ (20.000 đồng/buổi x 2 buổi = 40.000 đồng/người/ngày)	Người	150	40.000	6.000.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND
-	Tiền thuê hội trường, loa đài, bàn ghế maket, máy chiếu, điện sáng, phục vụ...	Ngày	1	10.000.000	10.000.000	Theo thực tế
-	Tiền văn phòng phẩm	Người	150	20.000	3.000.000	Theo thực tế
-	Tiền photo tài liệu	Người	150	20.000	3.000.000	Theo thực tế
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho đại biểu ở xa	Người	120	100.000	12.000.000	

Số TT	Nội dung	Dự toán kinh phí				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
II	Xây dựng phóng sự phát trên Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa	Phóng sự	2	40.000.000	80.000.000	
III	Quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản (3.1+3.2+3.3+3.4+3.5+3.6)				965.630.799	
3.1	Nguồn nước cấp cho các vùng nuôi tôm nước lợ tập trung: Lấy mẫu tại 5 vùng cửa lạch, cửa sông: Lạch Sung, Lạch Trường, Sông Cung, Sông Yên, Sông Bạng: 01 mẫu/vùng Thời gian: 7 tháng, tháng 3 đến tháng 9/2021	Mẫu	75		317.365.455	Mức chi theo Phụ lục IV QĐ 19/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020
3.1.1	Chi phí lấy mẫu, phân tích các thông số có tần suất 2lần/tháng. 5 mẫu/lần x 2 lần/tháng x 7 tháng = 70 mẫu	Mẫu	70	4.071.875	285.031.250	
*	Chi phí 01 mẫu	Mẫu	1		4.071.875	
-	Nhiệt độ	Thông số	1	71.685	71.685	
-	Độ mặn	Thông số	1	134.655	134.655	
-	pH	Thông số	1	180.305	180.305	
-	Oxy hòa tan (DO)	Thông số	1	242.441	242.441	
-	Độ trong	Thông số	1	152.348	152.348	
-	COD	Thông số	1	328.322	328.322	
-	NH ₄ ⁺	Thông số	1	416.249	416.249	
-	H ₂ S	Thông số	1	503.238	503.238	Phụ lục I QĐ 19/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020
-	NO ₂ ⁻	Thông số	1	424.709	424.709	

Số TT	Nội dung	Dự toán kinh phí				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
-	NO ₃ ⁻	Thông số	1	437.435	437.435	
-	PO ₄ ³⁻	Thông số	1	348.504	348.504	
-	Tảo độc	Thông số	1	601.179	601.179	
-	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Thông số	1	230.805	230.805	
3.1.2	Chi phí lấy mẫu, phân tích các thông số có tần suất 1 lần/năm	Mẫu	5	6.466.841	32.334.205	
*	Chi phí 01 mẫu	Mẫu	1		6.466.841	
-	Thuốc BVTV	Thông số	1	3.503.852	3.503.852	
-	Asen (As)	Thông số	1	851.168	851.168	
-	Thủy ngân (Hg)	Thông số	1	822.621	822.621	
-	Cadimi (Cd)	Thông số	1	644.600	644.600	
-	Chì (Pb)	Thông số	1	644.600	644.600	
3.2	Nước ao nuôi tôm đại diện: Lấy tại các vùng: Đa Lộc, Hoằng Phụ, Hoằng Yến, Thanh Thủy, Xuân Lâm: 5 vùng (1 mẫu/vùng) Thời gian: 7 tháng, tháng 3 đến tháng 9/2021 (5 mẫu/lần x 2 lần/tháng x 7 tháng = 70 mẫu)	Mẫu	70	3.237.912	226.653.840	Mức chi theo Phụ lục II QĐ 19/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020
*	Chi phí 01 mẫu	Mẫu	1		3.237.912	
-	Nhiệt độ	Thông số	1	69.895	69.895	
-	Độ mặn	Thông số	1	134.655	134.655	
-	PH	Thông số	1	76.171	76.171	
-	Oxy hòa tan (DO)	Thông số	1	128.363	128.363	

Số TT	Nội dung	Dự toán kinh phí				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
-	Độ trong	Thông số	1	152.348	152.348	
-	COD	Thông số	1	257.712	257.712	
-	NH ₄ ⁺	Thông số	1	253.862	253.862	
-	H ₂ S	Thông số	1	503.238	503.238	Phụ lục I QĐ 19/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020
-	NO ₂ ⁻	Thông số	1	377.548	377.548	
-	NO ₃ ⁻	Thông số	1	240.956	240.956	
-	PO ₄ ³⁻	Thông số	1	277.919	277.919	
-	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Thông số	1	164.066	164.066	
-	Tảo độc	Thông số	1	601.179	601.179	áp nước biển ven bờ
3.3	Nước nuôi Ngao: Lấy tại 3 vùng: Nga Tân, Quảng Nham, Đa Lộc: 2 vị trí/vùng = 2 mẫu/vùng Thời gian: 10 tháng, từ tháng 3 đến tháng 12/2021	Mẫu	66		239.726.886	Mức chi theo Phụ lục IV QĐ 19/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020
3.3.1	Chi phí lấy mẫu, phân tích các thông số có tần suất 1 lần/tháng. 6 mẫu/lần x 1 lần/tháng x 10 tháng = 60 mẫu	Mẫu	60	3.348.764	200.925.840	
*	Chi phí 01 mẫu	Mẫu	1		3.348.764	
-	Nhiệt độ	Thông số	1	71.685	71.685	
-	Độ mặn	Thông số	1	134.655	134.655	
-	PH	Thông số	1	180.305	180.305	
-	NH ₄ ⁺	Thông số	1	416.249	416.249	
-	H ₂ S	Thông số	1	503.238	503.238	Phụ lục I QĐ 19/2020/QĐ-UBND ngày 7/5/2020
-	NO ₂ ⁻	Thông số	1	424.709	424.709	

Số TT	Nội dung	Dự toán kinh phí				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
-	NO ₃ ⁻	Thông số	1	437.435	437.435	
-	PO ₄ ³⁻	Thông số	1	348.504	348.504	
-	Tảo độc	Thông số	1	601.179	601.179	
-	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Thông số	1	230.805	230.805	
3.3.2	Chi phí lấy mẫu, phân tích các thông số có tần suất 1 lần/ năm: 2 mẫu/vùng x 3 vùng = 6 mẫu	Thông số	6	6.466.841	38.801.046	
*	Chi phí 01 mẫu	Thông số	1		6.466.841	
-	Thuốc BVTV	Thông số	1	3.503.852	3.503.852	
-	Asen (As)	Thông số	1	851.168	851.168	
-	Thủy ngân (Hg)	Thông số	1	822.621	822.621	
-	Cadimi (Cd)	Thông số	1	644.600	644.600	
-	Chì (Pb)	Thông số	1	644.600	644.600	
3.4	Chi phí thuê phương tiện vận chuyển phục vụ công tác lấy mẫu				89.100.000	
	Chi phí thuê xe vận chuyển dụng cụ, thiết bị lấy mẫu, vận chuyển mẫu: - Lấy mẫu nguồn nước cấp nuôi tôm nước lợ: 2 ngày/lần * 2 lần/tháng * 7 tháng = 28 ngày = 28 chuyến - Lấy mẫu nước ao nuôi tôm đại diện: 2 ngày/lần * 2 lần/tháng * 7 tháng = 28 ngày = 28 chuyến - Lấy mẫu nước bãi nuôi Ngao: 1 ngày/lần* 1 lần/tháng * 10 tháng = 10 ngày = 10 chuyến	chuyến	66	1.350.000	89.100.000	Theo thực tế
3.5	Chi phí tổng hợp, viết báo cáo tổng kết	Báo cáo	1	5.000.000	5.000.000	

Số TT	Nội dung	Dự toán kinh phí				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
3.6	Thuế VAT (3.1+3.2+3.3+3.4+3.5) x 10%				87.784.618	
IV	Chi phí nghiệm thu báo cáo tổng kết				4.000.000	
1	Người chủ trì		1	500.000	500.000	
2	Thư ký Hội nghị		1	300.000	300.000	
3	Đại biểu tham dự	Người	10	150.000	1.500.000	
4	Chi Giải khát giữa giờ (1 buổi)	Người	10	20.000	200.000	
5	Photo Tài liệu	Người	10	30.000	300.000	
6	Ý kiến nhận xét đánh giá	Phiếu	3	400.000	1.200.000	
V	Chi phí thuê tư vấn đấu thầu; chi khác, giám sát lấy mẫu,...				10.000.000	

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu thuê dịch vụ quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Thuê dịch vụ quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	965.631	Ngân sách nhà nước	Đấu thầu rộng rãi 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Tháng 02/2021	Trọn gói	Năm 2021